



PHỤ LỤC

Nhiệm vụ chỉ tiết triển khai thực hiện Nghị định số 385/2026/NĐ-CP ngày 09/10/2026 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh An Giang

(Kèm theo Kế hoạch số .606..../KH-UBND ngày .16../10/2026 của UBND tỉnh An Giang)

Ghi chú:

- Phân loại nhiệm vụ: “Nghĩa vụ trực tiếp” theo Nghị định; “Biện pháp tổ chức” là cách thức phối hợp, theo dõi, không tạo thêm thẩm quyền hoặc thời hạn pháp lý mới.
- Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp xã xây dựng kế hoạch triển khai tại đơn vị, hoàn thành chậm nhất ngày 20/10/2026.

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Cấp / tính chất	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Căn cứ pháp lý / lưu ý
I	PHỔ BIẾN - BỘ MÁY						
01	Phổ biến Nghị định; Quán triệt quy định mới; hướng dẫn đơn vị trực thuộc, cấp xã; phổ biến quy định hết hiệu lực và quy định chuyển tiếp.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành; UBND cấp xã	Tỉnh/Sở/Xã; Biện pháp tổ chức	Nghị định không ấn định thời hạn tổ chức phổ biến	Tài liệu phổ biến, biên bản tập huấn	Điều 38; Điều 39 khoản 1, 7; Không đặt hạn riêng
02	Đầu mối cấp tỉnh; Bảo đảm hoạt động tham mưu, giúp UBND tỉnh trong công tác kiểm soát TTHC.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành; cơ quan liên quan	Tỉnh; Nghĩa vụ trực tiếp	Không quy định mốc riêng	Phân công nhân sự, quy trình tham mưu	Khoản 3 Điều 5; Không suy ra thẩm quyền công bố cho Văn phòng
03	Đầu mối cấp xã; Trung tâm PVHCC cấp xã tham mưu kiểm soát TTHC ở xã	UBND cấp xã	Trung tâm PVHCC	Xã; Nghĩa vụ trực tiếp	Không quy định mốc riêng	Phân công đầu mối tham mưu	Khoản 4 Điều 5; Chọn mô hình theo tổ chức thực tế

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Cấp / tính chất	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Căn cứ pháp lý / lưu ý
II	QUY ĐỊNH - ĐÁNH GIÁ						
04	Rà soát, phân loại TTHC nội bộ: phân biệt (i) TTHC giữa từ hai cơ quan hành chính nhà nước trở lên hoặc áp dụng chung cho các cơ quan hành chính nhà nước; (ii) công việc nội bộ trong một cơ quan hành chính nhà nước do chính cơ quan đó quy định, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định.	Các sở, ngành; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Sở/Xã; Biện pháp tổ chức	Không quy định mốc riêng	Danh mục phân loại, kiến nghị xử lý	Điểm a khoản 2 Điều 1; điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định 385/2026/NĐ-CP. Tiếp thu UBND xã Tân Hiệp; không mở rộng phạm vi TTHC nội bộ.
05	Kiểm soát thẩm quyền quy định TTHC; đối chiếu đúng phạm vi phân quyền, phân cấp, nội dung được cấp trên giao, thí điểm, biện pháp đặc thù và TTHC nội bộ; không quy định TTHC liên thông giữa các ngành vượt thẩm quyền địa phương.	Các sở, ngành; UBND cấp xã	Sở Tư pháp; Văn phòng UBND tỉnh	Tỉnh/Sở/Xã; Nghĩa vụ trực tiếp	Trong quy trình xây dựng VBQPPL; không có mốc riêng tại Nghị định	Phiếu rà soát thẩm quyền quy định	Điều 6, Điều 7; khoản 2 và khoản 3 Điều 8; không giao cấp xã ban hành TTHC ngoài phạm vi được pháp luật cho phép.
06	Bộ phận cấu thành TTHC; Kiểm tra đủ các bộ phận cấu thành bắt buộc và các bộ phận phát sinh khi có quy định.	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Văn phòng UBND	Sở/Xã; Nghĩa vụ trực tiếp	Trước khi ban hành theo pháp	Bảng kiểm đầy đủ bộ	Khoản 2, 3 Điều 7; Quy định chi tiết

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Cấp / tính chất	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Căn cứ pháp lý / lưu ý
			tỉnh; đơn vị KSTTHC cấp xã		luật VBQPPL	phận cấu thành	phải có hiệu lực đồng bộ
07	Ưu tiên số hóa và dữ liệu; Đánh giá cách thức điện tử, cung cấp thông tin một lần, sử dụng, liên thông dữ liệu và khả năng không phụ thuộc địa giới.	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Sở Khoa học và Công nghệ; Văn phòng UBND tỉnh	Sở/Xã; Nghĩa vụ trực tiếp	Trong quá trình xây dựng quy định	Bảng đánh giá điện tử, dữ liệu	Điểm g khoản 1 Điều 6; khoản 4 Điều 7; khoản 4 Điều 12; Không tự phát sinh yêu cầu giấy tờ
08	Thông báo TTHC mới thuộc diện phải thông báo: cơ quan chủ trì đề xuất, soạn thảo cấp tỉnh tham mưu chính quyền địa phương cấp tỉnh thông báo cho Bộ Tư pháp theo nội dung khoản 1 Điều 9; xác định ngoại lệ theo Điều 10.	Cơ quan chủ trì đề xuất, soạn thảo cấp tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Tư pháp	Tỉnh/Sở; Nghĩa vụ trực tiếp	Khi dự kiến ban hành TTHC mới; không có mốc ngày riêng	Thông báo trên nền tảng / văn bản điện tử chuyển tiếp	Khoản 1 Điều 9; Điều 10; khoản 5 Điều 39. Chủ thể có trách nhiệm thông báo theo Nghị định là chính quyền địa phương cấp tỉnh.
09	Lấy ý kiến trên Nền tảng; Đăng tải TTHC dự kiến ban hành để lấy ý kiến; việc lấy ý kiến thực hiện cùng thủ tục VBQPPL.	Cơ quan chủ trì đề xuất,	Văn phòng UBND	Tỉnh/Sở; Nghĩa vụ trực tiếp	Cùng thời gian lấy ý kiến	Hồ sơ đăng tải,	Khoản 2 Điều 9; khoản 5 Điều 39; Theo

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Cấp / tính chất	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Căn cứ pháp lý / lưu ý
		soạn thảo cấp tỉnh	tỉnh; Sở Tư pháp		VBQPPL theo pháp luật liên quan	tổng hợp ý kiến	phương án chuyển tiếp khi Nền tảng chưa đủ chức năng
10	Kiểm tra 04 nhóm trường hợp không phải thông báo trước khi ban hành TTHC mới, lập căn cứ áp dụng ngoại lệ theo Điều 10, không hiểu nhầm là miễn các nghĩa vụ đánh giá tác động, lấy ý kiến theo pháp luật.	Cơ quan chủ trì đề xuất, soạn thảo	Sở Tư pháp; Văn phòng UBND tỉnh	Tỉnh/Sở; Nghĩa vụ trực tiếp	Cùng hồ sơ dự thảo	Phiếu xác định áp dụng Điều 10	Điều 10, Điều 11, Điều 12; miễn thông báo theo Điều 9 không đồng nghĩa miễn nghĩa vụ khác.
11	Lấy ý kiến đơn vị KSTTHC cấp tỉnh; Lấy ý kiến Văn phòng UBND tỉnh về TTHC trong dự thảo thuộc thẩm quyền HĐND, UBND, Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	Cơ quan chủ trì soạn thảo cấp tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Tư pháp	Tỉnh/Sở; Nghĩa vụ trực tiếp	Theo thời hạn lấy ý kiến pháp luật VBQPPL	Văn bản đề nghị và văn bản góp ý	Điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 11; Không tự đặt thời hạn
12	Lấy ý kiến đơn vị KSTTHC cấp xã; Lấy ý kiến đơn vị có chức năng KSTTHC tại cấp xã về dự thảo VBQPPL HĐND, UBND cấp xã có TTHC.	Cơ quan chủ trì soạn thảo cấp xã	Trung tâm PVHCC	Xã; Nghĩa vụ trực tiếp	Theo pháp luật VBQPPL	Văn bản góp ý, tổng hợp tiếp thu	Điểm d khoản 2 Điều 11; khoản 4 Điều 5; Tham mưu, không thay quyền cơ quan ban hành

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Cấp / tính chất	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Căn cứ pháp lý / lưu ý
13	Tiếp thu giải trình ý kiến; Nghiên cứu tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến KSTTHC và đối tượng có liên quan.	Cơ quan chủ trì đề xuất, soạn thảo	Văn phòng UBND tỉnh; cơ quan tham gia góp ý	Tỉnh/Sở/Xã; Nghĩa vụ trực tiếp	Trong quy trình ban hành VBQPPL	Báo cáo tiếp thu, giải trình	Khoản 5 Điều 11; Bám pháp luật ban hành VBQPPL
14	Đánh giá tác động TTHC theo đúng giai đoạn: tại đề xuất chính sách đánh giá sự cần thiết; tại soạn thảo đánh giá các tiêu chí theo điểm b, c, d khoản 2 Điều 12 nếu đã thực hiện quy trình chính sách, hoặc đầy đủ các tiêu chí a, b, c, d nếu không thực hiện quy trình chính sách. Đánh giá thêm mức độ ứng dụng CNTT, khả năng thực hiện điện tử; TTHC nội bộ theo khoản 6 Điều 12.	Cơ quan đề xuất chính sách/chủ trì soạn thảo	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Tư pháp	Tỉnh/Sở/Xã; Nghĩa vụ trực tiếp	Theo giai đoạn chính sách/soạn thảo Điều 12	Bản đánh giá tác động TTHC	Khoản 2, 3, 4, 6 Điều 12; cơ quan đề xuất/chủ trì soạn thảo có trách nhiệm đánh giá, không chuyển sang Văn phòng UBND tỉnh hoặc Sở Tư pháp.
15	Đánh giá cạnh tranh, rủi ro; Xác định trường hợp phải đánh giá bổ sung cạnh tranh bình đẳng và quản lý rủi ro.	Cơ quan đề xuất chính sách/chủ trì soạn thảo	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Tư pháp	Tỉnh/Sở/Xã; Nghĩa vụ trực tiếp	Cùng đánh giá tác động	Phân tích cạnh tranh và ma trận rủi ro	Khoản 4 Điều 12; Điều 13; Chỉ áp dụng khi thuộc trường hợp Điều 13

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Cấp / tính chất	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Căn cứ pháp lý / lưu ý
16	Thẩm định quy định về thủ tục hành chính: bảo đảm có sự tham gia của cơ quan, đơn vị kiểm soát TTHC khi tổ chức thẩm định đề xuất chính sách, dự án, dự thảo VBQPPL có quy định TTHC theo Hội đồng, cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản; đơn vị KSTTHC có ý kiến theo nội dung Điều 14.	Cơ quan tổ chức thẩm định	Văn phòng UBND tỉnh/đơn vị KSTTHC cấp xã; Sở Tư pháp	Tỉnh/Sở/Xã; Nghĩa vụ trực tiếp	Cùng giai đoạn thẩm định VBQPPL	Ý kiến thẩm định quy định về TTHC, hồ sơ tham gia thẩm định	Điều 14; tiếp thu góp ý Sở Tư pháp. Phân biệt tham gia thẩm định TTHC với thẩm quyền thẩm định VBQPPL theo pháp luật có liên quan.
III	CÔNG BỐ - CÔNG KHAI						
17	Công bố TTHC thuộc thẩm quyền tỉnh; Trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố TTHC thuộc các trường hợp tại điểm b khoản 1 Điều 16.	Sở chuyên ngành chủ trì tham mưu	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Tư pháp	Tỉnh/Sở; Nghĩa vụ trực tiếp	Chậm nhất trước 10 ngày tính đến ngày VBQPPL có hiệu lực; trường hợp VBQPPL được ban hành theo thủ tục rút gọn hoặc	Dự thảo Quyết định công bố và phụ lục	Điểm b, c khoản 1 Điều 17; thời hạn 03 ngày làm việc chỉ áp dụng trường hợp đáp ứng điều kiện tại điểm c khoản 1 Điều 17.

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Cấp / tính chất	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Căn cứ pháp lý / lưu ý
					trường hợp đặc biệt và có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành: chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành VBQPPL.		
18	Công bố TTHC thuộc thẩm quyền xã; Tham mưu Chủ tịch UBND cấp xã công bố TTHC quy định tại VBQPPL địa phương thuộc đúng phạm vi điểm c khoản 1 Điều 16.	UBND cấp xã	Trung tâm PVHCC hoặc Văn phòng HĐND và UBND cấp xã	Xã; Nghĩa vụ trực tiếp	Chậm nhất trước 10 ngày tính đến ngày VBQPPL có hiệu lực (điểm b khoản 1 Điều 17); trường hợp thuộc điểm c khoản 1	Quyết định công bố TTHC cấp xã	Điểm c khoản 1 Điều 16; điểm b, c khoản 1 Điều 17. Tiếp thu UBND xã Tri Tôn. Phân biệt rõ thời hạn trước hiệu lực và thời hạn sau ban hành.

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Cấp / tính chất	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Căn cứ pháp lý / lưu ý
					Điều 17: chậm nhất SAU 03 ngày làm việc kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành VBQPPL.		
19	TTHC do phân quyền, phân cấp, ủy quyền; Trên cơ sở quyết định của bộ, trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố trong trường hợp được quy định và cấu hình tiếp nhận, giải quyết.	Sở chuyên ngành chủ trì tham mưu	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ	Tỉnh/Sở; Nghĩa vụ trực tiếp	Thời hạn công bố theo Điều 17; cấu hình kịp thời không mốc số ngày riêng	Quyết định; cấu hình Hệ thống thông tin/Cổng DVCQG	Đoạn 2 điểm b khoản 1 Điều 16; Rà soát điều kiện áp dụng từng trường hợp
20	Đầy đủ nội dung quyết định công bố; Đối chiếu TTHC mới, sửa đổi, bãi bỏ; chỉ rõ nội dung thay đổi và mã TTHC khi bãi bỏ TTHC có mã.	Cơ quan chủ trì tham mưu công bố	Văn phòng UBND tỉnh; đầu mối KSTTHC cấp xã	Tỉnh/Sở/Xã; Nghĩa vụ trực tiếp	Cùng thời điểm ban hành quyết định	Phiếu kiểm tra bộ phận nội dung công bố	Khoản 2 Điều 16; Láy VBQPPL làm căn cứ

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Cấp / tính chất	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Căn cứ pháp lý / lưu ý
21	Công khai TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia, tại nơi trực tiếp tiếp nhận, giải quyết, trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh và hình thức phù hợp khác; phân biệt việc nhập, đăng tải vào CSDLQG với công khai tại những kênh còn lại.	Cơ quan tiếp nhận, giải quyết TTHC	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ	Tỉnh/Sở/Xã; Nghĩa vụ trực tiếp	Cơ sở dữ liệu quốc gia: 03 ngày làm việc kể từ ngày ký QĐ công bố của Chủ tịch UBND các cấp; trường hợp rút gọn/đặc biệt có hiệu lực ngay: 02 ngày làm việc (khoản 2 Điều 25). Nơi tiếp nhận, Cổng TTĐT và hình thức khác: công khai đầy đủ, chính xác, kịp thời theo	Bảng đối chiếu 3 kênh, bằng chứng công khai	Khoản 2, 3, 4, 5 Điều 17; khoản 1, 2 Điều 25. Tiếp thu UBND xã Tri Tôn. Phân biệt thời hạn nhập CSDLQG với yêu cầu công khai trên các kênh khác.

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Cấp / tính chất	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Căn cứ pháp lý / lưu ý
					khoản 2 Điều 17; không có mốc riêng bằng số ngày tại điều này.		
22	Nhập dữ liệu quyết định cấp tỉnh; Tổ chức nhập, đăng tải, công khai dữ liệu TTHC và văn bản theo quyết định Chủ tịch UBND tỉnh.	UBND tỉnh (giao đầu mối thực hiện)	Văn phòng UBND tỉnh; sở chuyên ngành; cơ quan kỹ thuật	Tỉnh/Sở; Nghĩa vụ trực tiếp	Chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh; trường hợp VBQPPL rút gọn/đặc biệt có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành thuộc khoản 2 Điều 25: 02	Bản ghi CSDLQG, nhật ký nhập	Khoản 1, 2 Điều 25; Cơ quan ký chịu trách nhiệm dữ liệu chính xác

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Cấp / tính chất	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Căn cứ pháp lý / lưu ý
					ngày làm việc.		
23	Nhập dữ liệu quyết định cấp xã; Tổ chức nhập, đăng tải, công khai TTHC đã công bố theo quyết định Chủ tịch UBND cấp xã.	UBND cấp xã	Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Văn phòng HĐND và UBND cấp xã theo mô hình tổ chức; Văn phòng UBND tỉnh; đơn vị hỗ trợ kỹ thuật	Xã; Nghĩa vụ trực tiếp	Chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định công bố của Chủ tịch UBND cấp xã; trường hợp rút gọn/đặc biệt thuộc khoản 2 Điều 25: 02 ngày làm việc.	Bản ghi CSDLQG, nhật ký nhập	Khoản 1, 2 Điều 25; khoản 2 Điều 27; khoản 4 Điều 5. Việc cấp tài khoản, phân quyền do đơn vị có thẩm quyền của hệ thống thực hiện; không giao UBND xã quản trị tài khoản ngoài thẩm quyền.
24	Chỉnh sửa dữ liệu theo Bộ Tư pháp; Kiểm tra và sửa thiếu sót dữ liệu theo thông báo của Bộ Tư pháp; xác nhận lại tính thống nhất.	Cơ quan chịu trách nhiệm	Văn phòng UBND tỉnh;	Tỉnh/Sở/Xã; Nghĩa vụ trực tiếp	Không quá 05 ngày làm việc khi Bộ Tư	Báo cáo sửa lỗi, dữ liệu đối chiếu	Khoản 3 Điều 25; Không tự sửa trái nội

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Cấp / tính chất	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Căn cứ pháp lý / lưu ý
		công bố, nhập dữ liệu	sở/ngành; cấp xã		pháp thông báo về lỗi, thiếu sót dữ liệu đã đăng tải (khoản 3 Điều 25).		dung VBQPPL
25	Tự rà soát, quản trị tài khoản và kết nối; quản lý tài khoản được cấp theo thẩm quyền; tự rà soát dữ liệu, phối hợp kết nối, chia sẻ và bảo đảm thống nhất dữ liệu giữa CSDLQG, Cổng TTĐT, nơi tiếp nhận, giải quyết.	UBND tỉnh, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ (hỗ trợ kỹ thuật theo chức năng); cơ quan quản lý hệ thống	Tỉnh/Xã; Nghĩa vụ trực tiếp	Không có mốc ngày riêng	Nhật ký rà soát và biên bản đối chiếu	Khoản 2 Điều 27; sử dụng tài khoản, phân quyền theo hướng dẫn cơ quan quản lý hệ thống; không chuyển thẩm quyền quản trị Nền tảng số của Bộ Tư pháp.
26	Công bố, công khai đầy đủ, kịp thời TTHC nội bộ thuộc phạm vi quản lý vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC theo điểm b khoản 2 Điều 24; thực hiện kiểm soát đầy đủ, chính xác, thống nhất dữ liệu theo điểm c	UBND tỉnh, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh; đơn vị	Tỉnh/Xã; Nghĩa vụ trực tiếp	Đầy đủ, kịp thời; áp dụng Điều 17, không	Danh mục TTHC nội bộ, bản ghi CSDLQG	Điểm b, c khoản 2 Điều 24; khoản 3 Điều 17; TTHC nội bộ

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Cấp / tính chất	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Căn cứ pháp lý / lưu ý
	khoản 2 Điều 24. Đối với công khai ở các kênh khác, thực hiện theo tính chất được khuyến khích tại khoản 3 Điều 17.		KSTTHC cấp xã		thêm hạn riêng		thuộc khoản 1 Điều 3 khác với công việc nội bộ một cơ quan không thuộc phạm vi điều chỉnh.
IV	TỔ CHỨC GIẢI QUYẾT						
27	Cơ chế một cửa, liên thông; Tổ chức giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng DVCQG.	Cơ quan thực hiện TTHC	Văn phòng UBND tỉnh; đơn vị PVHCC; đơn vị kỹ thuật	Tỉnh/Sở/Xã; Nghĩa vụ trực tiếp	Theo thủ tục/hệ thống hiện hành, không có mốc riêng tại Điều 18	Quy trình tiếp nhận, giải quyết	Khoản 8 Điều 18; Phối hợp văn bản pháp luật về một cửa
28	Không phát sinh hồ sơ ngoài quy định; Bảo đảm không tự đặt TTHC, thành phần hồ sơ, giấy tờ; hướng dẫn bổ sung đầy đủ một lần.	Người đứng đầu cơ quan giải quyết TTHC	Công chức, viên chức tiếp nhận, giải quyết	Tỉnh/Sở/Xã; Nghĩa vụ trực tiếp	Theo thời hạn giải quyết của từng TTHC	Nhật ký tiếp nhận, phiếu yêu cầu bổ sung	Khoản 5 Điều 18; khoản 4 Điều 20; Cần đối chiếu quyết định công bố với VBQPPL

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Cấp / tính chất	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Căn cứ pháp lý / lưu ý
29	Cung cấp kết quả điện tử; Tổ chức cung cấp kết quả giải quyết bằng hình thức điện tử; bản giấy theo yêu cầu hoặc theo quy định pháp luật.	Cơ quan giải quyết TTHC	Đơn vị PVHCC; cơ quan kỹ thuật	Tỉnh/Sở/Xã; Nghĩa vụ trực tiếp	Theo thời hạn giải quyết của từng TTHC	Kết quả điện tử/bản giấy đúng quy định	Khoản 7 Điều 15; Không bỏ quyền được nhận bản giấy
30	Hướng dẫn, hỗ trợ đối tượng yếu thế; Bố trí cán bộ đúng tiêu chuẩn; hướng dẫn đầy đủ và hỗ trợ các nhóm đối tượng theo Nghị định.	Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC	Bộ phận Một cửa; đơn vị chuyên môn	Tỉnh/Sở/Xã; Nghĩa vụ trực tiếp	Khi tổ chức thực hiện TTHC	Thông tin hỗ trợ, nhật ký hỗ trợ	Khoản 1, 2, 7 Điều 18; Bảo mật dữ liệu cá nhân
31	Bảo mật và chia sẻ thông tin; Bảo quản, giữ bí mật thông tin và phối hợp chia sẻ thông tin đúng pháp luật trong giải quyết TTHC.	Cơ quan giải quyết TTHC	Cơ quan chuyên môn, kỹ thuật liên quan	Tỉnh/Sở/Xã; Nghĩa vụ trực tiếp	Trong toàn bộ quá trình giải quyết TTHC	Biện pháp bảo mật, nhật ký chia sẻ	Khoản 3, 6 Điều 18; Tuân thủ quy định bảo vệ dữ liệu tương ứng
32	Phản ánh, kiến nghị; Tiếp nhận, phân loại, xử lý, trả lời phản ánh kiến nghị về quy định và thực hiện TTHC theo pháp luật chuyên ngành.	Cơ quan có thẩm quyền xử lý PAKN	Văn phòng UBND tỉnh; UBND cấp xã; đơn vị liên quan	Tỉnh/Sở/Xã; Nghĩa vụ trực tiếp	Theo pháp luật tiếp nhận xử lý PAKN; Nghị định không ấn định số ngày	Sổ xử lý, văn bản trả lời	Khoản 9 Điều 18; Điều 22; Không tự đặt thêm thời hạn
33	Chấn chỉnh, đào tạo công chức; Kiểm tra, đôn đốc, đào tạo nghiệp vụ; khen thưởng hoặc xử lý vi phạm theo pháp luật.	Người đứng đầu UBND	Văn phòng UBND	Tỉnh/Sở/Xã; Nghĩa vụ trực tiếp	Không có mốc riêng tại Điều 19	Kế hoạch bồi dưỡng; hồ	Khoản 2, 3, 4, 5 Điều 19;

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Cấp / tính chất	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Căn cứ pháp lý / lưu ý
		và cơ quan quản lý công chức	tỉnh; sở/ngành; UBND xã			sơ kiểm tra	Không tạo chế tài mới
V	RÀ SOÁT - ĐƠN GIẢN HÓA						
34	Kế hoạch rà soát hằng năm; Đưa nội dung rà soát, đánh giá TTHC vào kế hoạch kiểm soát, cải cách TTHC; gửi Bộ Tư pháp.	UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ngành	Tỉnh; Nghĩa vụ trực tiếp	Trước ngày 31 tháng 01 của năm kế hoạch; căn cứ khoản 3 Điều 28. Không ấn định ngày báo cáo nội bộ khác trong Kế hoạch.	Kế hoạch kèm danh mục, công văn gửi Bộ Tư pháp	Khoản 1, 2, 3 Điều 28; Kế hoạch có TTHC, cơ quan, thời gian, căn cứ, sản phẩm
35	Rà soát TTHC thuộc thẩm quyền trên địa bàn; Tổ chức rà soát TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của chính quyền các cấp trên địa bàn.	UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh; các sở/ngành;	Tỉnh/Sở/Xã; Nghĩa vụ trực tiếp	Theo kế hoạch rà soát; hoặc theo chỉ đạo cơ	Báo cáo rà soát và bảng kiến nghị	Khoản 2 Điều 32; khoản 3 Điều 33; UBND cấp xã phối hợp; trách nhiệm

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Cấp / tính chất	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Căn cứ pháp lý / lưu ý
			UBND cấp xã		quan có thẩm quyền		tổng thể là UBND tỉnh
36	Lựa chọn TTHC ưu tiên; Ưu tiên TTHC nhiều hồ sơ, tốn chi phí, nhiều phản ánh, có khả năng liên thông, 3 năm không phát sinh hồ sơ...	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp	Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Tỉnh/Sở/Xã; Nghĩa vụ trực tiếp	Theo kế hoạch hoặc khi phát sinh yêu cầu	Danh mục ưu tiên có dữ liệu minh chứng	Khoản 3 Điều 30; Đủ tiêu chí, không suy diễn bắt buộc bãi bỏ nếu không có hồ sơ
37	Đánh giá thực tiễn và chi phí; Đánh giá mục tiêu quản lý, chi phí, hài lòng, hồ sơ, điều kiện, thủ tục liên thông và tác động tới doanh nghiệp.	Sở, ngành chủ trì lĩnh vực	UBND cấp xã; Văn phòng UBND tỉnh	Sở/Xã; Nghĩa vụ trực tiếp	Theo kế hoạch hoặc chỉ đạo	Báo cáo phân tích bằng chứng và phương án	Điều 29; khoản 1, 6 Điều 31; Điều 33; Dựa trên dữ liệu, bằng chứng thực tế
38	Rà soát TTHC nội bộ; Đánh giá tính đầy đủ, cần thiết, hợp lý và liên thông dữ liệu đối với TTHC nội bộ thuộc phạm vi Nghị định.	Cơ quan được giao rà soát	Văn phòng UBND tỉnh; đơn vị KSTTHC cấp xã	Tỉnh/Sở/Xã; Nghĩa vụ trực tiếp	Theo kế hoạch rà soát	Phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ	Khoản 2 Điều 31; Điều 32; Phân biệt công việc một cơ quan
39	Rà soát cạnh tranh, rủi ro, chuyển đổi số; Đánh giá hậu kiểm theo mức độ rủi ro; bình đẳng cạnh tranh; liên thông, tái sử dụng dữ liệu.	Sở, ngành chủ trì lĩnh vực	Văn phòng UBND tỉnh; Sở	Tỉnh/Sở/Xã; Nghĩa vụ trực tiếp	Theo kế hoạch rà soát	Phụ lục đánh giá rủi ro/cạnh	Khoản 3, 4, 5 Điều 31; Đề xuất chứ không tự thay

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Cấp / tính chất	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Căn cứ pháp lý / lưu ý
			Khoa học và Công nghệ			tranh/số hóa	đổi điều kiện TTHC
40	Huy động đối tượng chịu tác động; Lấy ý kiến người dân, doanh nghiệp, tổ chức, chuyên gia trong rà soát TTHC.	Cơ quan thực hiện rà soát	Đoàn thể, hiệp hội, người dân, doanh nghiệp	Tỉnh/Sở/Xã; Nghĩa vụ trực tiếp	Trong quá trình rà soát	Biên bản, tổng hợp ý kiến	Điểm c khoản 2 Điều 30; khoản 4 Điều 33; Có thể dùng hội thảo/khảo sát phù hợp
41	Xử lý kết quả thuộc thẩm quyền địa phương; Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ TTHC theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền xử lý.	UBND tỉnh (theo thẩm quyền)	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Tư pháp; sở chuyên ngành	Tỉnh/Sở; Nghĩa vụ trực tiếp	Sau khi có kết quả rà soát; không ấn định mốc riêng	Văn bản sửa đổi hoặc kiến nghị	Khoản 1 Điều 34; Không tự sửa quy định TTHC thuộc Bộ/Trung ương
42	Kiến nghị bộ, ngành trung ương; Đề nghị bộ, cơ quan ngang bộ xử lý kiến nghị đối với TTHC do Trung ương quy định thuộc phạm vi bộ.	UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh; sở chuyên ngành	Tỉnh/Sở; Nghĩa vụ trực tiếp	Sau rà soát, không mốc riêng	Văn bản kiến nghị và minh chứng	Khoản 1 Điều 34; Không tự phê duyệt phương án vượt thẩm quyền

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Cấp / tính chất	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Căn cứ pháp lý / lưu ý
43	Xử lý quy định trái pháp luật; Phát hiện quy định TTHC có dấu hiệu trái pháp luật thì báo cáo, xử lý theo pháp luật kiểm tra xử lý VBQPPL.	Cơ quan phát hiện; cơ quan có thẩm quyền	Sở Tư pháp; Văn phòng UBND tỉnh	Tỉnh/Sở/Xã; Nghĩa vụ trực tiếp	Theo pháp luật kiểm tra, xử lý VBQPPL	Báo cáo và hồ sơ xử lý	Khoản 4 Điều 34; Không kết luận hủy bỏ ngoài thẩm quyền
VI	HẠ TẦNG - ĐIỀU KIỆN						
44	Khai thác Nền tảng số KSTTHC; chủ động sử dụng chức năng hệ thống theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp, phối hợp cung cấp, kiểm tra dữ liệu và sử dụng đúng phân quyền được cấp.	UBND tỉnh; cơ quan sử dụng	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ; UBND cấp xã; cơ quan quản lý hệ thống	Tỉnh/Sở/Xã; Nghĩa vụ trực tiếp	Theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp; không có mốc riêng	Tài khoản, nhật ký khai thác	Khoản 2 Điều 23; khoản 2 Điều 27. Bộ Tư pháp xây dựng, quản lý, vận hành Nền tảng số; nhiệm vụ địa phương chỉ là khai thác, phối hợp theo thẩm quyền.
45	Trong thời gian Nền tảng số về kiểm soát TTHC chưa vận hành đầy đủ, thông báo dự kiến ban hành TTHC mới bằng văn bản điện tử qua Trục liên thông văn bản quốc gia hoặc phương thức khác theo pháp luật; việc đăng tải lấy ý kiến TTHC dự kiến ban	Cơ quan đề xuất chính sách/chủ trì soạn thảo tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh; cơ quan văn thư	Tỉnh/Sở; Nghĩa vụ trực tiếp	Trong thời gian nền tảng chưa vận hành đầy đủ	Thông báo điện tử và bằng chứng gửi	Khoản 5 Điều 39; phân biệt thông báo dự kiến TTHC mới và việc

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Cấp / tính chất	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Căn cứ pháp lý / lưu ý
	hành mới thực hiện theo pháp luật về VBQPPL.						đăng tải lấy ý kiến.
46	Bảo đảm kinh phí KSTTHC trong dự toán ngân sách hằng năm theo phân cấp; các cơ quan, đơn vị lập dự toán theo nhiệm vụ và pháp luật ngân sách. Sở Tài chính căn cứ khả năng cân đối ngân sách, phối hợp Văn phòng UBND tỉnh và cơ quan, địa phương liên quan tham mưu UBND tỉnh kinh phí từ ngân sách nhà nước, các nguồn hợp pháp khác.	UBND tỉnh (phân công các cơ quan thực hiện theo nhiệm vụ)	Sở Tài chính; Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ngành và UBND cấp xã	Tỉnh; Nghĩa vụ trực tiếp	Trong dự toán ngân sách hằng năm theo pháp luật ngân sách	Dự toán, phân bổ, quyết toán hợp pháp	Khoản 1, 2, 3 Điều 35; tiếp thu ý kiến Sở Tài chính. Không giao nhiệm vụ quyết định cấp kinh phí vượt thẩm quyền.
47	Báo cáo định kỳ và đột xuất; Tổng hợp báo cáo Bộ Tư pháp về công tác KSTTHC; thực hiện chế độ báo cáo điện tử trên Nền tảng số.	UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp; các sở, ban, ngành; UBND cấp xã cung cấp dữ liệu theo chức năng	Tỉnh/Sở/Xã; Nghĩa vụ trực tiếp	Hàng tháng, quý, 06 tháng, năm; chi tiết theo Bộ trưởng Bộ Tư pháp; đột xuất theo yêu cầu	Báo cáo điện tử và đối chiếu	Khoản 1, 3, 4 Điều 36; báo cáo điện tử theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp. Mẫu cảnh báo, theo dõi nội bộ không tạo chế độ báo cáo độc lập.

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Cấp / tính chất	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Căn cứ pháp lý / lưu ý
48	Kiểm tra hằng năm và đột xuất; Tổ chức kiểm tra công tác KSTTHC tại các sở, ban, ngành, UBND cấp xã theo trách nhiệm.	UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh; các cơ quan tham gia kiểm tra	Tỉnh/Sở/Xã; Nghĩa vụ trực tiếp	Định kỳ hằng năm hoặc đột xuất	Kế hoạch, biên bản, báo cáo kiểm tra	Điểm c khoản 1; khoản 2 Điều 37; Không mở rộng nội dung ngoài nhiệm vụ pháp luật
VII	CHUYỂN TIẾP						
49	Tiếp tục thực hiện TTHC nội bộ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành trước ngày Nghị định số 385/2026/NĐ-CP có hiệu lực, đến khi được sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ.	Cơ quan thực hiện TTHC nội bộ	Đơn vị KSTTHC cùng cấp	Tỉnh/Sở/Xã; Nghĩa vụ trực tiếp	Từ 10/10/2026 đến khi văn bản liên quan được sửa/bổ sung/bãi bỏ	Danh mục TTHC nội bộ tiếp tục áp dụng	Khoản 4 Điều 39; Không tuyên bố tự hết hiệu lực
50	Đối với đề xuất chính sách, dự án, dự thảo VBQPPL đã bắt đầu thực hiện trước ngày 10/10/2026: đánh giá tác động TTHC theo pháp luật hiện hành tại thời điểm đề xuất chính sách, soạn thảo dự án, dự thảo.	Cơ quan đề xuất/chủ trì soạn thảo	Sở Tư pháp; Văn phòng UBND tỉnh	Tỉnh/Sở/Xã; Nghĩa vụ trực tiếp	Theo tiến độ VBQPPL; không ấn định mốc riêng	Phiếu xác định chế độ pháp luật áp dụng	Khoản 6 Điều 39; Không mặc nhiên áp dụng toàn bộ quy tắc mới cho hồ sơ cũ
51	Thay đổi căn cứ pháp lý từ ngày hiệu lực; Cập nhật căn cứ viện dẫn và hướng dẫn nghiệp vụ theo Nghị định 385; nhận diện Điều 5 Nghị định 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi.	Các sở/ngành; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Tư pháp	Tỉnh/Sở/Xã; Biện pháp tổ chức	Từ ngày 10/10/2026; Nghị định không quy định thời	Danh mục tài liệu, biểu mẫu cập nhật	Khoản 1, 2, 7 Điều 39. Không tự đặt hạn 15/10/2026;

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Cấp / tính chất	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Căn cứ pháp lý / lưu ý
					hạn chỉnh lý tài liệu nghiệp vụ nội bộ riêng.		phân biệt thời hạn do pháp luật quy định và tiến độ tự chủ động sắp xếp.
VIII	BIỆN PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN						
52	Hướng dẫn nghiệp vụ cho cấp xã: Văn phòng UBND tỉnh xây dựng, phổ biến tài liệu hướng dẫn thao tác, mẫu tham khảo, checklist kiểm tra quyết định công bố, công khai, nhập và đối chiếu dữ liệu TTHC cho 102 xã, phường, đặc khu.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã; cơ quan quản lý hệ thống	Tỉnh/Xã; biện pháp tổ chức (không phải thời hạn pháp lý mới)	Triển khai phù hợp ngay trong quá trình thực hiện Nghị định; không ấn định số ngày riêng	Tài liệu hướng dẫn, biểu mẫu tham khảo, thông tin đầu mối hỗ trợ	Khoản 3, 4 Điều 5; Điều 16, 17, 25, 27; tiếp thu ý kiến UBND phường Tịnh Biên. Mẫu tham khảo không thay thế biểu mẫu bắt buộc do cơ quan có thẩm quyền quy định.
53	Hướng dẫn, phối hợp về tài khoản và phân quyền: tiếp nhận nhu cầu hỗ trợ cấp xã, chuyển cơ quan quản lý hệ thống/đầu mối	Văn phòng UBND tỉnh (đầu	Sở Khoa học và Công nghệ (hỗ	Tỉnh/Xã; biện pháp tổ chức (không thay	Khi phát sinh nhu cầu/vướng mắc kỹ	Danh sách đầu mối hỗ trợ, nội dung	Khoản 2 Điều 23; khoản 2 Điều 27; tiếp thu ý kiến

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Cấp / tính chất	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Căn cứ pháp lý / lưu ý
	kỹ thuật có thẩm quyền, hỗ trợ sử dụng tài khoản và kiểm tra kết nối, đồng bộ dữ liệu.	mỗi nghiệp vụ)	trợ kỹ thuật theo chức năng); UBND cấp xã; cơ quan quản lý hệ thống	quyền quản lý Nền tảng số)	thuật; không ấn định thời hạn xử lý riêng	hướng dẫn, hồ sơ khắc phục lỗi	UBND phường Tịnh Biên. Việc cấp quyền, quản trị nền tảng thuộc chủ thể được phân quyền bởi cơ quan quản lý hệ thống.
54	Chuẩn hóa công cụ theo dõi, cảnh báo hồ sơ: dùng dữ liệu sẵn có để giám sát hồ sơ sắp đến hạn, quá hạn, bổ sung nhiều lần, trả lại, dùng bất thường, phản ánh/kiến nghị; hỗ trợ phân tích nguyên nhân và phối hợp xử lý trong phạm vi thẩm quyền.	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ngành; UBND cấp xã; đơn vị vận hành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC	Tỉnh/Sở/Xã; biện pháp quản trị nội bộ	Trong quá trình vận hành, theo dõi, kiểm tra; không phát sinh chế độ báo cáo mới	Mẫu bảng theo dõi tham khảo, danh mục cảnh báo, kết quả rà soát minh chứng	Điều 18, 19, 22, 36, 37; tiếp thu ý kiến UBND phường Tịnh Biên. Không yêu cầu nhập trùng dữ liệu hay đặt thêm chế độ báo cáo.